CÔNG TY TNHH THIỆP ĐỨC QUYỀN
Địa chỉ: 34-36-38-40 Đường 3122 Phạm Thế Hiển,F 7, Q8 , TP.HCM
Điện thoại:(84 28)-54328451-54328452-54328454-66862598-66862599, Zalo:0912400127
Email: ducquyencards @gmail.com Website: www.ducquyencards.com

BẢNG BÁO GIÁ GIA CÔNG IN DANH THIẾP - THẺ NHỰA-THẺ NHÂN VIÊN

Lưu ý: Giá Áp Dụng Cho Qúy Khách Hàng Nhà In ***(Cập nhật ngày 19-09-2023)***

TÊN DANH THIẾP MẪU	HÌNH ẢNH MINH HỌA	Kỹ thuật sản xuất /Kích thước	Tên giấy	ĐƠN GIÁ (đồng / Hộp 100 cái)						Ghi chú khác
				1 Hộp	2-3 hộp	4-6 hộp	7-10 hộp	11-15 hộp	Từ 16 hộp	
Danh Thiếp DQ-I-01		* In 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	50,000	45,000	40,000	35,000	30,000	25,000	Chỉ in 1 mặt giảm 4,000đ/ hộp
Danh Thiếp DQ-I-02		* In 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy FO TRẮNG 250gsm (T-294)	50,000	45,000	40,000	35,000	30,000	25,000	
Danh Thiếp DQ-I-03		* In 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy TRẮNG NHŨ 240gsm (N-100)	55,000	50,000	45,000	40,000	35,000	30,000	
Danh Thiếp DQ-I-04		* In 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT Kem lợt trơn 300g (T-194)	60,000	55,000	50,000	45,000	40,000	35,000	
Danh Thiếp DQ-I-05		* In 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM NHŨ KMA 240gsm (N-252)	55,000	50,000	45,000	40,000	35,000	30,000	
Danh Thiếp DQ-I-06		* In 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy kraft 300g (K-348)	55,000	50,000	45,000	40,000	35,000	30,000	
Danh Thiếp DQ-I-07		* In 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-279)	55,000	50,000	45,000	40,000	35,000	30,000	
Danh Thiếp DQ-I-08		* In 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT Kem Đậm trơn 300g (T-197)	60,000	55,000	50,000	45,000	40,000	35,000	
Danh Thiếp DQ-IB-09		* In 2 mặt + Bồi 2 lớp +bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	95,000	90,000	85,000	80,000	75,000	70,000	Giá đã bao gồm bo góc
Danh Thiếp DQ-IB-10		* In 2 mặt + Bồi 2 lớp +bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy FO TRẮNG 250gsm (T-294)	95,000	90,000	85,000	80,000	75,000	70,000	

TÊN DANH THIẾP MẪU	HÌNH ẢNH MINH HỌA	Kỹ thuật sản xuất /Kích thước	Tên giấy	ĐƠN GIÁ (đồng / Hộp 100 cái)						Ghi chú khác
				1 Hộp	2-3 hộp	4-6 hộp	7-10 hộp	11-15 hộp	Từ 16 hộp	
Danh Thiếp DQ-IB-11		* In 2 mặt + Bồi 2 lớp * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy TRẮNG NHŨ 240gsm (N-100)	95,000	90,000	85,000	80,000	75,000	70,000	Nếu bo góc + 5,000đ/ hộp
Danh Thiếp DQ-IB-12		* In 2 mặt + Bồi 2 lớp * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT Kem lợt trơn 300g (T-194)	100,000	95,000	90,000	85,000	80,000	75,000	
Danh Thiếp DQ-IB-13		* In 2 mặt + Bồi 2 lớp * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM ĐẬM NHŨ KMA 240gsm(N279	95,000	90,000	85,000	80,000	75,000	70,000	
Danh Thiếp DQ-IB-14		* In 2 mặt + Bồi 2 lớp * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy kraft 300g (K-348)	95,000	90,000	85,000	80,000	75,000	70,000	
Danh Thiếp DQ-IB-15		* In 2 mặt + Bồi 2 lớp * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-279)	95,000	90,000	85,000	80,000	75,000	70,000	
Danh Thiếp DQ-IB-16		* In 2 mặt + Bồi 2 lớp * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT Kem Đậm trơn 300g (T-197)	100,000	95,000	90,000	85,000	80,000	75,000	
Danh Thiếp DQ-IC-17		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	65,000	60,000	55,000	50,000	45,000	40,000	Chỉ in 1 mặt nhưng vẫn cán màng 2 mặt giảm 4,000đ/ hộp Chỉ in 1 mặt và cán màng 1 mặt giảm 10,000đ/ hộp
Danh Thiếp DQ-IC-18		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy FO TRẮNG 250gsm (T-294)	65,000	60,000	55,000	50,000	45,000	40,000	
Danh Thiếp DQ-IC-19		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy TRẮNG NHŨ 240gsm (N-100)	70,000	65,000	60,000	55,000	50,000	45,000	
Danh Thiếp DQ-IC-20		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM NHŨ KMA 240gsm (N-252)	70,000	65,000	60,000	55,000	50,000	45,000	
Danh Thiếp DQ-ICB-21		* In 2 mặt+ Cán màng mờ 2 mặt + bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	100,000	95,000	90,000	85,000	80,000	75,000	Nếu bo góc + 5,000đ/ hộp
Danh Thiếp DQ-ICB-22		* In 2 mặt+ Cán màng mờ 2 mặt + bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy FO TRẮNG 250gsm (T-294)	100,000	95,000	90,000	85,000	80,000	75,000	

TÊN DANH THIẾP MẪU	HÌNH ẢNH MINH HỌA	Kỹ thuật sản xuất /Kích thước	Tên giấy	ĐƠN GIÁ (đồng / Hộp 100 cái)						Ghi chú khác
				1 Hộp	2-3 hộp	4-6 hộp	7-10 hộp	11-15 hộp	Từ 16 hộp	
Danh Thiếp DQ-ICB-23		* In 2 mặt+ Cán màng mờ 2 mặt + bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy TRẮNG NHŨ 240gsm (N-100)	105,000	100,000	95,000	90,000	85,000	80,000	Nếu bo góc + 5,000đ/ hộp
Danh Thiếp DQ-ICB-24		* In 2 mặt+ Cán màng mờ 2 mặt + bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM NHŨ KMA 240gsm (N-252)	105,000	100,000	95,000	90,000	85,000	80,000	
Danh Thiếp DQ-ICE-25		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt + ép kim 1M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	95,000	90,000	85,000	80,000	75,000	70,000	cộng 70,000đ làm 1 khuôn ép kim nhỏ.
Danh Thiếp DQ-ICE-26		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt + ép kim 1M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy FO TRẮNG 250gsm (T-294)	95,000	90,000	85,000	80,000	75,000	70,000	
Danh Thiếp DQ-ICE-27		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt + ép kim 1M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM NHŨ KMA 240gsm (N-252)	100,000	95,000	90,000	85,000	80,000	75,000	
Danh Thiếp DQ-ICE-28		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt + ép kim 1M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-279)	100,000	95,000	90,000	85,000	80,000	75,000	
Danh Thiếp DQ-ICEB-29		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt + ép kim 1M + bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	130,000	125,000	120,000	115,000	110,000	105,000	cộng 70,000đ làm 1 khuôn ép kim nhỏ.
Danh Thiếp DQ-ICEB-30		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt + ép kim 1M + bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy FO TRẮNG 250gsm (T-294)	130,000	125,000	120,000	115,000	110,000	105,000	
Danh Thiếp DQ-ICEB-31		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt + ép kim 1M + bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy TRẮNG NHŨ 240gsm (N-100)	135,000	130,000	125,000	120,000	115,000	110,000	
Danh Thiếp DQ-ICEB-32		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt + ép kim 1M + bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-279)	135,000	130,000	125,000	120,000	115,000	110,000	
Danh Thiếp DQ-IE-33		* In 2 mặt + ép nhũ 1M. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy TRẮNG NHŨ 240gsm (N-100)	85,000	80,000	75,000	70,000	65,000	60,000	cộng 70,000đ làm 1 khuôn ép kim nhỏ.
Danh Thiếp DQ-IE-34		* In 2 mặt + ép nhũ 1M. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT Kem lợt trơn 300g (T-194)	90,000	85,000	80,000	75,000	70,000	65,000	

TÊN DANH THIẾP MẪU	HÌNH ẢNH MINH HỌA	Kỹ thuật sản xuất /Kích thước	Tên giấy	ĐƠN GIÁ (đồng / Hộp 100 cái)						Ghi chú khác
				1 Hộp	2-3 hộp	4-6 hộp	7-10 hộp	11-15 hộp	Từ 16 hộp	
Danh Thiếp DQ-IE-35		* In 2 mặt + ép nhũ 1M. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-279)	85,000	80,000	75,000	70,000	65,000	60,000	cộng 70,000đ làm 1 khuôn ép kim nhỏ.
Danh Thiếp DQ-IE-36		* In 2 mặt + ép nhũ 1M. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT Kem Đậm trơn 300g (T-197)	90,000	85,000	80,000	75,000	70,000	65,000	
Danh Thiếp DQ-IE2-37		* In 2 mặt + ép nhũ 2M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Ý FSC Kem nhũ 285g (Y-439)	165,000	160,000	155,000	150,000	145,000	140,000	cộng 70,000đ làm 1 khuôn ép kim nhỏ.
Danh Thiếp DQ-IE2-38		* In 2 mặt + ép nhũ 2M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Lụa Cao cấp So-silk trắng 350g (M-345)	180,000	175,000	170,000	165,000	160,000	155,000	
Danh Thiếp DQ-IE2-39		* In 2 mặt + ép nhũ 2M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Lụa Cao cấp So-silk vàng lợt 350g (M-346)	180,000	175,000	170,000	165,000	160,000	155,000	cộng 150,000đ làm 2 khuôn ép kim
Danh Thiếp DQ-IE2-40		* In 2 mặt + ép nhũ 2M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Nhám Cao cấp Matter xám 380g (M-347)	190,000	185,000	180,000	175,000	170,000	165,000	
Danh Thiếp DQ-ELB-41		* Ép nhũ Lún 2M - Bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy TRẮNG NHŨ 240gsm (N-100)	145,000	140,000	135,000	130,000	125,000	120,000	cộng 150,000 tiền làm 2 khuôn ép.
Danh Thiếp DQ-ELB-42		* Ép nhũ Lún 2M - Bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM NHŨ KMA 240gsm (N-252)	145,000	140,000	135,000	130,000	125,000	120,000	
Danh Thiếp DQ-ELB-43		* Ép nhũ Lún 2M - Bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy BẠC NHŨ KMA 240gsm (N-275)	145,000	140,000	135,000	130,000	125,000	120,000	
Danh Thiếp DQ-ELB-44		* Ép nhũ Lún 2M - Bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy DƯƠNG ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-286)	145,000	140,000	135,000	130,000	125,000	120,000	
Danh Thiếp DQ-ELB-45		* Ép nhũ Lún 2M - Bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-279)	145,000	140,000	135,000	130,000	125,000	120,000	
Danh Thiếp DQ-ELB-46		* Ép nhũ Lún 2M - Bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy NÂU ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-290)	145,000	140,000	135,000	130,000	125,000	120,000	

TÊN DANH THIẾP MẪU	HÌNH ẢNH MINH HỌA	Kỹ thuật sản xuất /Kích thước	Tên giấy	ĐƠN GIÁ (đồng / Hộp 100 cái)						Ghi chú khác
				1 Hộp	2-3 hộp	4-6 hộp	7-10 hộp	11-15 hộp	Từ 16 hộp	
Danh Thiếp DQ-E1-47		* Ép nhũ 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT nâu trơn 300g (T-191)	80,000	75,000	70,000	65,000	60,000	55,000	cộng 100,000đ tiền làm 1 khuôn ép kim lớn.
Danh Thiếp DQ-E1-48		* Ép nhũ 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT đỏ trơn 300g (T-187)	80,000	75,000	70,000	65,000	60,000	55,000	
Danh Thiếp DQ-E1-49		* Ép nhũ 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy kraft 300g (K-348)	75,000	70,000	65,000	60,000	55,000	50,000	
Danh Thiếp DQ-E1-50		* Ép nhũ 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Ý Nâu lợt 260g (Y-144)	85,000	80,000	75,000	70,000	65,000	60,000	
Danh Thiếp DQ-E1-51		* Ép nhũ 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Ý Dương 260g (Y-142)	85,000	80,000	75,000	70,000	65,000	60,000	
Danh Thiếp DQ-E1-52		* Ép nhũ 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy NÂU ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-290)	77,000	72,000	67,000	62,000	57,000	52,000	
Danh Thiếp DQ-E1-53		* Ép nhũ 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Ý Kem 260g(Y-137)	85,000	80,000	75,000	70,000	65,000	60,000	
Danh Thiếp DQ-E1-54		* Ép nhũ 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Ý Đỏ 260g (Y-139)	85,000	80,000	75,000	70,000	65,000	60,000	
Danh Thiếp DQ-E2-55		* Ép nhũ 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Ý Vàng 260g (Y-141)	115,000	110,000	105,000	100,000	95,000	90,000	cộng 150,000đ tiền làm 2 khuôn ép kim.
Danh Thiếp DQ-E2-56		* Ép nhũ 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Ý Đen 260g (Y-143)	115,000	110,000	105,000	100,000	95,000	90,000	
Danh Thiếp DQ-E2-57		* Ép nhũ 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhung cao cấp pike đỏ 330g (M-342)	165,000	160,000	155,000	150,000	145,000	140,000	
Danh Thiếp DQ-E2-58		* Ép nhũ 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhung cao cấp pike đen 330g (M-343)	165,000	160,000	155,000	150,000	145,000	140,000	

TÊN DANH THIẾP MẪU	HÌNH ẢNH MINH HỌA	Kỹ thuật sản xuất /Kích thước	Tên giấy	ĐƠN GIÁ (đồng / Hộp 100 cái)						Ghi chú khác
				1 Hộp	2-3 hộp	4-6 hộp	7-10 hộp	11-15 hộp	Từ 16 hộp	
Danh Thiếp DQ-NE1-59		* Ép kim 1 mặt + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trắng 0.3mm (PL-317)	110,000	105,000	100,000	95,000	90,000	85,000	cộng 100,000đ làm 1 khuôn ép kim lớn.
Danh Thiếp DQ-NE2-60		* Ép kim 1 mặt 2 màu + bo góc. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trong mờ 0.9mm (PL-257)	170,000	165,000	160,000	155,000	150,000	145,000	cộng 150,000đ làm 2 khuôn ép kim.
Danh Thiếp DQ-NI-61		* In 1 mặt + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trắng 0.3mm (PL-317)	90,000	85,000	80,000	75,000	70,000	65,000	* Nếu in 2 mặt giá cộng 25,000đ/ hộp. * Nếu thêm cán màng 2 mặt + 20,000đ/ hộp.
Danh Thiếp DQ-NIL-63		* In lụa 1 mặt 2 màu + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trong mờ 0.5mm (PL-258)	130,000	120,000	110,000	105,000	100,000	95,000	Chỉ in 1 màu giảm 10,000đ/ hộp
Danh Thiếp DQ-N4-64		* In 2 mặt + ép nhám máy cao tần. * Bế khuôn danh thiếp 85x54mm	Nhựa PVC 4 Lớp - Trắng	310,000	305,000	300,000	295,000	290,000	285,000	* Giá đã bao gồm bo góc. * Nếu chỉ in 1 mặt giảm 10,000đ/hộp.
Danh Thiếp DQ-N4-65		* In 2 mặt + ép nhám máy cao tần. * Bế khuôn danh thiếp 85x54mm	Nhựa PVC 4 Lớp - Trắng	310,000	305,000	300,000	295,000	290,000	285,000	
Danh Thiếp DQ-NI-66		* In 1 mặt + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trắng 0.3mm (PL-317)	90,000	85,000	80,000	75,000	70,000	65,000	* Mẫu in 1 mặt * Nếu in 2 mặt giá cộng 20,000đ/ hộp. * Nếu thêm cán màng 2 mặt + 25,000đ/ hộp.
Danh Thiếp DQ-NI-67		* In 1 mặt + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trắng 0.3mm (PL-317)	90,000	85,000	80,000	75,000	70,000	65,000	
Danh Thiếp DQ-NI-68		* In 1 mặt + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trắng 0.3mm (PL-317)	90,000	85,000	80,000	75,000	70,000	65,000	
DANH THIẾP MẪU DQ-69		* In 2 mặt + ép Bóng máy cao tần + ép kim 2 mặt 1 khuôn * Bế khuôn danh thiếp 85x54mm	Nhựa PVC 4 Lớp -Phủ nhũ bạc	510,000	505,000	500,000	495,000	490,000	485,000	* cộng 150,000đ 2 khuôn ép kim * Giá chưa bao gồm số nhảy hoặc thẻ khác tên.
DANH THIẾP MẪU DQ-70		* In 2 mặt + ép Mờ máy cao tần + ép kim 1 mặt * Bế khuôn danh thiếp 85x54mm	Nhựa PVC 4 Lớp -Phủ nhũ bạc	460,000	455,000	450,000	445,000	440,000	435,000	* cộng 70,000đ cho 1 khuôn ép kim nhỏ. * Giá chưa bao gồm số nhảy hoặc thẻ khác tên.

TÊN DANH THIẾP MẪU	HÌNH ẢNH MINH HỌA	Kỹ thuật sản xuất /Kích thước	Tên giấy	ĐƠN GIÁ (đồng / Hộp 100 cái)						Ghi chú khác
				1 Hộp	2-3 hộp	4-6 hộp	7-10 hộp	11-15 hộp	Từ 16 hộp	
DANH THIẾP MẪU DQ-71		* In 2 mặt + ép nhám máy cao tần * Bế khuôn danh thiếp 85x54mm	Nhựa PVC 4 Lớp -Phủ nhũ bạc	410,000	405,000	400,000	395,000	390,000	385,000	* Nếu chỉ in 1 mặt giảm 10,000đ/hộp.
DANH THIẾP MẪU DQ-72		* In 2 mặt + ép Bóng máy cao tần + Ép kim 1 mặt +ép nhũ bế nổi ký tự * Bế khuôn danh thiếp 85x54mm	Nhựa PVC 4 Lớp	360,000	355,000	350,000	345,000	340,000	335,000	* cộng 70,000đ cho 1 khuôn ép kim nhỏ. * Giá chưa bao gồm ép nhũ bế nổi ký tự.
DANH THIẾP MẪU DQ-73		* In 2 mặt + ép Mờ máy cao tần + ép nhũ bế nổi ký tự * Bế khuôn danh thiếp 85x54mm	Nhựa PVC 4 Lớp	310,000	305,000	300,000	295,000	290,000	285,000	* Giá chưa bao gồm ép nhũ bế nổi ký tự. * Giá chưa bao gồm thẻ khác tên, khác mã vạch…
DANH THIẾP MẪU DQ-74		* In 2 mặt + Cán màng Bóng 2M + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa ánh nhũ vàng 280g (PL-476)	270,000	265,000	260,000	255,000	250,000	245,000	Giá đã bao gồm bo góc
DANH THIẾP MẪU DQ-75		* In 2 mặt + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa ánh nhũ vàng 280g (PL-476)	245,000	240,000	235,000	230,000	225,000	220,000	Giá đã bao gồm bo góc
DANH THIẾP MẪU DQ-76		* Ép kim 1 mặt 2 màu + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa ánh nhũ vàng 280g (PL-476)	260,000	255,000	250,000	245,000	240,000	235,000	* cộng 150,000đ cho 2 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-77		* In 2 mặt + Cán màng Bóng 2M + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa ánh nhũ ngọc trai 280g (PL-477)	270,000	265,000	260,000	255,000	250,000	245,000	Giá đã bao gồm bo góc
DANH THIẾP MẪU DQ-78		* In 2 mặt + Cán màng Mờ 2M + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa ánh nhũ ngọc trai 280g (PL-477)	270,000	265,000	260,000	255,000	250,000	245,000	Giá đã bao gồm bo góc
DANH THIẾP MẪU DQ-79		* Ép kim 1 mặt 2 màu + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa ánh nhũ ngọc trai 280g (PL-477)	260,000	255,000	250,000	245,000	240,000	235,000	* cộng 150,000đ cho 2 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-80		* In 2 mặt + Cán màng Bóng 2M + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trắng 0.3mm (PL-317)	135,000	130,000	125,000	120,000	115,000	110,000	Giá đã bao gồm bo góc
DANH THIẾP MẪU DQ-81		* In 1 mặt + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trong mờ 0.3mm (PL-422)	88,000	83,000	78,000	73,000	68,000	63,000	Giá đã bao gồm bo góc

TÊN DANH THIẾP MẪU	HÌNH ẢNH MINH HỌA	Kỹ thuật sản xuất /Kích thước	Tên giấy	ĐƠN GIÁ (đồng / Hộp 100 cái)						Ghi chú khác
				1 Hộp	2-3 hộp	4-6 hộp	7-10 hộp	11-15 hộp	Từ 16 hộp	
DANH THIẾP MẪU DQ-82		* In 1 mặt + Ép nhũ 1M + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trong mờ 0.3mm (PL-422)	138,000	133,000	128,000	123,000	118,000	113,000	cộng 100,000đ cho 1 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-83		* Ép kim 1 mặt 2 màu + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trong mờ 0.3mm (PL-422)	152,000	147,000	142,000	137,000	132,000	127,000	* cộng 150,000đ cho 2 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-84		* Ép nhũ 1 mặt 2 màu (Trắng - đen) + bo góc. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trong mờ 0.5mm (PL-258)	220,000	215,000	210,000	205,000	200,000	195,000	* cộng 150,000đ 2 khuôn ép kim. * Nếu không có nhũ trắng, giá giảm 50,000đ/hộp
DANH THIẾP MẪU DQ-85		* Ép nhũ 1 mặt 1 màu (Trắng) + bo góc. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trong mờ 0.5mm (PL-258)	165,000	160,000	155,000	150,000	145,000	140,000	* cộng 100,000đ khuôn ép kim. * Nếu không dùng nhũ trắng, giá giảm 50,000đ/hộp
DANH THIẾP MẪU DQ-86		* In 2 mặt + Cán màng nhung 2M + ép kim 1M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	136,000	131,000	126,000	121,000	116,000	111,000	* cộng 100,000đ cho 1 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-87		* In 2 mặt + Cán màng nhung 2M + ép kim 2M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	176,000	171,000	166,000	161,000	156,000	151,000	* cộng 150,000đ cho 2 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-88		* In 2 mặt + Cán màng kim tuyến cát 2M + ép kim 1M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	136,000	131,000	126,000	121,000	116,000	111,000	* cộng 100,000đ cho 1 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-89		* In 2 mặt + Cán màng kim tuyến tơ tằm 2M + ép kim 1M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	136,000	131,000	126,000	121,000	116,000	111,000	* cộng 100,000đ cho 1 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-90		* In 2 mặt +Cán gân cát 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy FO TRẮNG 250gsm (T-294)	70,000	65,000	60,000	55,000	50,000	45,000	
DANH THIẾP MẪU DQ-91		* In 2 mặt +Cán gân HQ 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy FO TRẮNG 250gsm (T-294)	70,000	65,000	60,000	55,000	50,000	45,000	
DANH THIẾP MẪU DQ-92		* In 2 mặt +Cán gân Ca rô 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT Kem lợt trơn 300g (T-194)	80,000	75,000	70,000	65,000	60,000	55,000	

TÊN DANH THIẾP MẪU	HÌNH ẢNH MINH HỌA	Kỹ thuật sản xuất /Kích thước	Tên giấy	ĐƠN GIÁ (đồng / Hộp 100 cái)						Ghi chú khác
				1 Hộp	2-3 hộp	4-6 hộp	7-10 hộp	11-15 hộp	Từ 16 hộp	
DANH THIẾP MẪU DQ-93		* In 2 mặt +Cán gân nhật 1 mặt + Ép kim 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy FO TRẮNG 250gsm (T-294)	100,000	95,000	90,000	85,000	80,000	75,000	* cộng 100,000đ cho 1 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-94		* In 2 mặt +Cán gân HQ 1 mặt + Ép kim 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT Kem Đậm trơn 300g (T-197)	110,000	105,000	100,000	95,000	90,000	85,000	* cộng 100,000đ cho 1 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-95		* Cán gân nhật 1 mặt + Ép kim 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy VÀNG NHŨ KMA 240gsm (N-283)	85,000	80,000	75,000	70,000	65,000	60,000	* cộng 100,000đ cho 1 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-96		* Cán gân nhật 1 mặt + Ép kim 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy NÂU ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-290)	85,000	80,000	75,000	70,000	65,000	60,000	* cộng 100,000đ cho 1 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-97		* Ép kim 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy HỒNG NHẠT CAMAY 240gsm (CM-487)	97,000	92,000	87,000	82,000	77,000	72,000	* cộng 150,000đ cho 2 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-98		* Ép kim 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy ĐỎ NHŨ THÁI 240gsm (N-502)	97,000	92,000	87,000	82,000	77,000	72,000	* cộng 150,000đ cho 2 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-99		* Ép kim 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM NHŨ THÁI 240gsm (N-164)	67,000	62,000	57,000	52,000	47,000	42,000	* cộng 100,000đ cho 1 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-100		* Ép kim 2 mặt + Bồi 2 loại giấy * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM NHŨ KMA 170gsm (N-253) & Giấy DƯƠNG ĐẬM NHŨ KMA 170gsm (N-284)	135,000	130,000	125,000	120,000	115,000	110,000	* cộng 150,000đ cho 2 khuôn ép kim.
BMDT-TNV		**Bộ mẫu danh thiếp Đợt 1 (67 mẫu giá 100,000đ)**	*** Cuốn mẫu đợt 1 gồm 67 mẫu danh thiếp - thẻ nhựa- thẻ NV từ mã 01 tới mã số 68. * Danh thiếp mẫu được sản xuất giả định để để thuận tiện cho khách hàng tham khảo các hiệu ứng và các chất liệu khác nhau.**							**Tặng link tải File thiết kế gốc của 100 mẫu danh thiếp này cho khách hàng mua 2 cuốn mẫu danh thiếp.**
BMDT-TNV02		**Bộ mẫu danh thiếp Đợt 2 (32 mẫu giá 50,000đ)**	*** Cuốn mẫu đợt 2 gồm 32 mẫu danh thiếp - thẻ nhựa- thẻ NV từ mã 69 tới mã số 100. * Danh thiếp mẫu được sản xuất giả định để để thuận tiện cho khách hàng tham khảo các hiệu ứng và các chất liệu khác nhau. * Mẫu đợt 2 tập trung nhiều về thẻ nhựa và các kỹ thuật mới chưa có trong cuốn đợt 1.**							

Tiêu chuẩn chung: Nếu Quý khách không có yêu cầu kích thước khác thì name card theo kích thước trong bảng giá này đã ghi là là 8.8x5.3cm và thẻ nhựa PVC 4 lớp là 8.5x5.4cm. Name card cũng sẽ được đóng hộp nhựa trước hoặc quấn đai giấy khi giao cho khách hàng.

Quy định giá: Biểu giá trên là giá gia công cho các nhà in không bao gồm việc thiết kế. (Quý nhà in cần gửi file gốc PDF, Corel, AI để chúng tôi sản xuất).

Danh thiếp nhiều tên: Nếu là danh thiếp hoặc tấm treo, với mỗi tên khác nhau sẽ được hiểu là mẫu khác nhau do vậy giá sẽ áp dụng cho số lượng tương ứng cho từng tên.

Danh thiếp SL ít hơn 1 hộp (không phải nhựa PVC): Trường hợp KH làm danh thiếp hay thẻ có nhiều nội dung khác nhau mà số lượng không đủ 1 hộp cho 1 nội dung, lúc này số lượng sẽ được tính theo cái. Giá sẽ áp dụng theo bảng giá của 1 hộp chia 100 cái và cộng phí 20,000đ cho mỗi nội dung khác nhau (giá trị đơn hàng tối thiểu cho DT thường chỉ in là 50,000đ, danh thiếp có bồi hay ép kim là 100,000đ).

Thẻ KH với mã vạch khác nhau: Trường hợp mỗi thẻ có một mã vạch khác nhau, số lượng thẻ được tính gộp nhưng mỗi thẻ sẽ phụ thu thêm 4,000đ/thẻ *(bao gồm cả công tạo mã vạch đặt vào file, khách chỉ cần gửi 1 file mẫu).* Trường hợp khác tự tạo mã vạch để vào file hoàn chỉnh thì chỉ phụ thêm 2,000đ như thẻ khác tên.

Thẻ NV Khác tên: Nếu là thẻ nhân viên và có nhiều tên khác nhau, Số tượng thẻ được tính gộp nhưng mỗi tên khác nhau sẽ phụ thu thêm 2,000đ/người (khách gửi file có tên sẵn hoặc gửi danh sách tên file Exel).

Thẻ xe, thẻ Vip, thẻ NV nhiều số (số nhảy): Nếu là thẻ giữ xe thường có nhiều số (số nhẩy), Số lượng thẻ được tính gộp nhưng mỗi số khác nhau sẽ phụ thu thêm 1,000đ/số *(bao gồm cả công nhẩy số, khách chỉ cần cung cấp 1 file mẫu).*

Sản xuất mẫu thẻ nhựa PVC 4 lớp (hoặc thẻ số lượng ít, mỗi thẻ có 1 tên khác nhau...) áp giá theo công thức sau:
** TH1: Danh thiếp nhựa PVC 4 lớp +In 2 mặt + ép cao tần (bóng-nhám- mờ)* **:** 10 thẻ đầu là 100,000đ, mỗi 10 thẻ tiếp theo cộng thêm 50,000đ *(giá áp dụng cho 1 hiệu ứng bóng-nhám hoặc mờ. Số lẻ không đủ 10 thì cũng tính chẵn 10).*
** Nếu thay nhựa PVC 4 lớp bằng nhựa PVC 4 lớp có phủ nhũ bạc: giá +1,000đ/ thẻ*
** Nếu có ép kim: cộng công kim 500đ/ nhát ép/thẻ với nhũ thường (tiền công ép nhũ tối thiểu 50,000đ, nhũ trắng giá gấp đôi) + cộng tiền khuôn ép kim.*
** Nếu có dập nổi ép nhũ ký tự, hoặc khoan lỗ...sẽ cộng thêm tiền của kỹ thuật tương ứng vào*

Dập nổi ép nhũ ký tự biến đổi thẻ nhựa: Trường hợp thẻ nhựa PVC 4 lớp có dập nổi ép nhũ ký tự (tên không dấu, số…) thì công thức giá cho kỹ thuật này như sau: Mỗi thẻ + 5.000đ cho 10 ký tự đầu tiên, nếu thẻ có nhiều hơn 10 ký tự tính 500đ/ký tự. (Chi phí tối thiểu cho kỹ thuật này là 50,000đ).

Dập nổi ép nhũ tên, số điện thoại cố định thẻ nhựa: Trường hợp thẻ nhựa PVC 4 lớp có dập nổi ép nhũ tên, số điện thoại, logo... thì công thức giá cho kỹ thuật này như sau: Mỗi thẻ + 1.000đ thêm công ép bế + phí làm khuôn bế nổi 300,000đ + phí lên khuôn bế nổi 100,000đ/ lần đặt hàng.

Bỏ bịch nilon thẻ nhựa từng cái: Nếu khách hàng yêu cầu mỗi thẻ bỏ vào 1 bịch nilon, chi phí 200đ/ thẻ.

Bo góc: Nếu mẫu không bo góc và khách yêu cầu thêm bo góc, giá sẽ cộng 5,000đ/hộp tiền bo góc (tối thiểu 20,000đ).

Bế khuôn danh thiếp 85x54mm:
* Theo tiêu chuẩn trong bảng giá của chúng tôi, nhựa PVC 4 lớp sẽ được bế khuôn danh thiếp để đường bo góc được hoàn hảo hơn, các loại nhựa khác hay giấy chỉ dùng kỹ thuật bo góc để bo góc, kỹ thuật bo góc thực hiện nhanh nhưng nhược điểm là đường bo góc không liền lạc bằng kỹ thuật bế khuôn thẻ.
* Trường hợp khách hàng đặt danh thiếp loại nhựa khác không phải nhựa PVC (ví dụ nhựa trắng, nhự mờ, nhựa nhũ...) mà muốn thay kỹ thuật bo góc bằng kỹ thuật bế khuôn thì kích thước TP sẽ là 85x54cm và giá sẽ tăng thêm 20,000đ/ hộp *(vì kỹ thuật bế khuôn là 25,000đ/ hộp trừ đi 5,000đ/ hộp kỹ thuật bo góc nên chênh lệnc 20,000đ).*

Khoan lỗ: Nếu khách yêu cầu thêm khoan lỗ (3mm, hoặc 4mm), giá sẽ cộng 5,000đ/hộp tiền khoan lỗ (tối thiểu 20,000đ).

Cán màng: Nếu khách yêu cầu thêm cán màng. Cán trên giấy và màng thường (bóng, mờ), giá sẽ cộng 20,000đ/hộp (tối thiểu 20,000đ). Màng đặc biệt (màng nhung, màng kim tuyến…) giá sẽ cộng 40,000đ/hộp (tối thiểu 40,000đ). Cán trên nhựa cao hơn cán trên giấy 5,000đ/ hộp.

Cán vân: Nếu khách yêu cầu thêm cán vân (Vân cát, vân Nhật, vân HQ, Vân Ca rô), giá sẽ cộng 20,000đ/hộp (tối thiểu 20,000đ).

Khuôn ép kim: Tùy theo trường hợp khuôn cụ thể của khách để tính giá, nếu khuôn nhỏ hơn 2/3 name card tính 70,000đ/khuôn. Nếu lớn hơn tính 100,000đ. *(Nếu 2 cái thì tính 150,000đ).*

Ghi chú kỹ thuật và ứng dụng của nhựa PVC 4 lớp và nhựa PVC 4 lớp phủ nhũ bạc:
=> Nhựa PVC 4 lớp thường có màu trắng, thường được in 2 mặt, sau đó ép qua máy ép cao tần, trong quá trình ép Quý khách có thể chọn hiệu ứng ép sần, mờ hoặc bóng.
=> Nhựa PVC 4 lớp phủ nhũ bạc, về cơ bản thì cũng giống như nhựa PVC 4 lớp thường nhưng khác thay vì màu trắng thì là màu nhũ bạc, do vậy khi in mực màu sáng sẽ thấy ánh kim.
=> Loại nhựa này sau khi in phải dùng kỹ thuật ép cao tần với nhiệt độ để ghép 4 lớp này thành 1 nên độ chuẩn màu và độ sắc nét so với file thiết kế là không cao. Do vậy khi thiết kế không nên để chữ quá nhỏ và màu sắc sản phẩm có thể thay đổi nhiều hơn bình thường một chút so với file thiết kế.
=> Trường hợp Quý Khách dùng nhựa PVC 4 lớp có phủ nhũ bạc thì màu nền của thiết kế không nên quá đậm, hoặc nếu đậm thì cũng nên có khu vực hở trắng để làm nổi bật được hiệu quả của nhũ bạc *(lớp mực màu tối phủ lên nhũ bạc vẫn được nhưng sẽ không thấy ánh nhũ).*
=> Loại này không hư khi tiếp xúc với nước, thích hợp làm menu, thẻ NV, thẻ Vip, thẻ xe, danh thiếp ...

Ghi chú kỹ thuật và ứng dụng của nhựa trong mờ 0.3mm, 0.5 và 0.9mm:
=> Nhựa mờ 0.5, nhựa mờ 0.9mm không thể in màu KTS, chỉ có thể ép kim.
=> Nhựa mờ 0.3, có thể in KTS hoặc ép kim.
=> Cả 3 loại nhựa trong mờ khi ép kim hay in thì cũng chỉ in 1 mặt vì nó gần như trong suốt.
=> Ba loại nhựa này không hư khi tiếp xúc với nước, thích hợp làm danh thiếp cao cấp, Tag, thiệp cưới...vì nhìn lạ và sang trọng.
=> Nếu muốn bền hoặc có thể nhúng vào nước được thì nên ép kim. Trường hợp in màu KTS thì nếu bị cọ sát vật cứng thì có thể cũng bị trầy lớp mực in.

Ghi chú kỹ thuật và ứng dụng của nhựa trắng 0.3mm, nhựa ánh kim vàng 280g, nhựa ánh kim ngọc trai 280g:
=> Các loại nhựa này nhìn gần giống giấy và có thể in bằng máy in màu KTS nhưng giá in cao hơn giấy vì phải có chế độ in đặc biệt
=> Sau khi in màu KTS nếu không cán màng thì khi cọ sát vật cứng có thể bị trầy mực. Nếu để tránh trầy thì sau khi in khách hàng nên chọn thêm cán màng để bảo vệ lớp mực in và cũng đẹp hơn.
=> Trường hợp không cần in mà ép kim thì có thể không cán màng cũng không bị tróc lớp nhũ.
=> Nhựa không hư khi tiếp xúc với nước, thích hợp làm danh thiếp, thẻ nhân viên, tấm treo, các sản phẩm ngoài trời...
(Nếu muốn có thể nhúng vào nước được thì nên chọn phương án ép kim)

Các quy định về giao hàng và phụ phí giao hàng (nếu có) được áp dụng như thiệp cưới.